

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HS-PT
Ngày 21-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**.

Các Thẩm phán:

+ Bà **Nguyễn Thị Tuyết Vân**;

+ Bà **Đặng Thị Đồng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Bùi Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Linh** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2018/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn Ph, do có kháng cáo của bị cáo Ph đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2018/HS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 30 tháng 01 năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: phụ giúp gia đình; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Bé H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam ngày 14-01-2018 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Lê Quốc C, sinh ngày: 07-5-1999; trú tại: ấp Phước A, xã Phước T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quốc H và bà Võ Thị N; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị

bắt giam từ ngày 15-9-2017 đến ngày 13-02-2018 được thay thế biện pháp bảo lãnh (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Ph: Luật sư Nguyễn Duy H – Văn phòng luật sư Nguyễn Duy H, thuộc đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người bị hại: Nguyễn Văn H, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Quốc H, sinh năm: 1963; Địa chỉ: ấp Phước A, xã Ph, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người làm chứng:

+ Anh Võ Trường A, sinh năm: 1993; Địa chỉ: ấp Tr1, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt);

+ Chị Trương Thị Thùy Tr, sinh năm: 1997; Địa chỉ: ấp Tr1, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt);

+ Chị Trương Thị Ngọc H, sinh năm: 1996; Địa chỉ: ấp Ph, xã Phước L, huyện Tr, tỉnh Tây Ninh (có mặt);

+ Em Phạm Thị Kim H, sinh năm: 2001; Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh (em H có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho em H: có bà Phan Thị N, sinh năm: 1982; Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh, là mẹ ruột em H (bà N có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn do anh Nguyễn Văn H dọa đánh Nguyễn Văn Ph vào ngày 22-6-2017; sau đó Ph kể lại cho Lê Quốc C nghe.

Khoảng 19 giờ ngày 24-6-2017, Ph, C, chị Phạm Thị Kim H, anh Võ Trường A và chị Trương Thị Thùy Tr cùng nhau đi từ huyện G đến Siêu Thị tại thị trấn Tr. Trên đường đi, Ph nhìn thấy anh H điều khiển xe mô tô chở chị Trương Thị Ngọc H đang chạy phía trước nên Ph nói với C “...H kia...” thì C chạy xe vượt lên kêu anh H dừng lại nói chuyện.

Anh H dừng xe trước Massage “HT” thuộc ấp Tr3, xã T, huyện G. C, P hỏi anh H lý do đánh Ph vào ngày 22-6-2017. Anh H kêu C, Ph đi lên phía trước nói chuyện tiếp rồi anh H chở chị H đi trước; lúc này Ph xúi giục C đánh anh H. C điều khiển xe chở chị H, anh A chở chị Tr; riêng Ph một mình điều khiển xe chạy theo anh H.

Khi đến trước Cửa hàng gạch ngói “ĐT” gần đó, anh H dừng xe lại; riêng C, Ph và anh A chạy vượt qua khoảng 20 m rồi tất cả dừng lại. C hỏi Ph “...sao Ph...” thì Ph kêu C đánh anh H; liền lúc này C nhặt đoạn gỗ dài 97 cm nằm cặp

lề đường rồi cùng Ph đi về hướng anh H; khi đến, C đứng đối diện với anh H và cầm đoạn gỗ bằng hai tay đánh 03 cái từ trên xuống vào người của anh H thì anh H đưa tay phải lên đỡ, làm gãy 1/3 dưới xương trụ phải, anh H lùi lại phía sau. Tiếp đó, C cầm đoạn gỗ xông đến tiếp tục đánh 03 cái vào người anh H thì anh H đưa tay trái lên đỡ, làm gãy 1/3 dưới xương trụ trái. Ngay lúc này, Ph nói với C “...thôi đánh nó nhiều đó được rồi...” và Ph nói với anh H “...lần này tao đánh mày là cảnh cáo...”. C cũng nói với anh H là không được đánh Ph nữa rồi ném bỏ đoạn gỗ, cùng Ph bỏ đi. Riêng anh H được đưa đến bệnh viện điều trị đến ngày 04-7-2017, được xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 157/2017/TgT ngày 16-8-2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Tây Ninh kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn H do thương tích gây nên là 25%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện G đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Quốc C và Nguyễn Văn Ph phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Ph 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14-01-2018.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 64 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt: bị cáo Lê Quốc C 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần biện pháp tư pháp, bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, bị cáo Nguyễn Văn Ph có đơn kháng cáo, với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Ph xin thay đổi yêu cầu kháng cáo kêu oan, vì bị cáo Ph cho rằng bị cáo không có tội; bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” là oan cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Về nội dung, bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Ph 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, không oan. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Ph; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư H, bào chữa cho bị cáo Ph trình bày: Bản án sơ thẩm căn cứ vào lời khai có nhiều mâu thuẫn của những người làm chứng để buộc tội bị cáo Ph là

không khách quan; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo kêu oan của bị cáo Ph. Nếu kết luận bị cáo Ph có tội thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá đúng tính chất, vai trò và mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để quyết định mức án phải thỏa đáng, đúng pháp luật; bởi lẽ, bị cáo Ph chỉ là người xúi giục, bị cáo C là người thực hành, nhưng bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo C 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo là chưa mang tính thuyết phục; lẽ ra, bị cáo C phải chịu mức án cao hơn bị cáo Ph. Đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Tòa án cấp cao xem xét lại mức án đối với bị cáo C theo thẩm quyền.

Lời nói sau cùng của bị cáo Ph: Bị cáo giữ nguyên kháng cáo kêu oan, vì bị cáo không có tội; nếu kết luận bị cáo có tội thì đề nghị Tòa án quyết định mức án phải công bằng, thỏa đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ph xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo C, bị hại H, những người làm chứng, có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn do bị hại H dọa đánh bị cáo Ph vào ngày 22-6-2017; sau đó Ph kể lại cho bị cáo C nghe nên tối ngày 24-6-2017, tuy giữa hai bị cáo Ph, C không có sự bàn bạc hay lên kế hoạch, phân công vai trò từ trước; nhưng khi gặp anh H, cả hai bị cáo Ph, C đều có cùng ý chí tìm gặp anh H và tranh cãi nhau việc anh H đánh bị cáo Ph trước đó; ngay lúc này, do bị cáo Ph đã có lời lẽ kích động, xúi giục và thị uy để bị cáo C dùng đoạn gỗ gây thương tích cho anh H.

Xét kháng cáo của bị cáo Ph và lời bào chữa của Luật sư H cho rằng bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Ph phạm tội “Cố ý gây thương tích” là oan cho bị cáo Ph. Xét thấy, Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ph thừa nhận, ngay sau khi bị cáo C vừa đánh bị hại H xong, bị cáo Ph đã đe dọa anh H “...lần này tao đánh mày là cảnh cáo...” hành vi này thể hiện ý thức của bị cáo Ph luôn mong muốn hậu quả xảy ra; do đó, tuy bị cáo Ph không trực tiếp gây thương tích cho anh H nhưng bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự chung đối với hậu quả do bị cáo C gây ra. Hậu quả để lại tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn H do thương tích gây nên là 25%. Hành vi này có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn Ph, phạm tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự.

Xét mối quan hệ giữa bị cáo C với người bị hại không có mâu thuẫn với nhau từ trước, nhưng chỉ vì nguyên nhân vô cớ, bị cáo C đã thực hiện hành vi dùng đoạn gỗ là loại hung khí nguy hiểm để đánh bị hại; hành vi này mang tính chất côn đồ; nên bị cáo Ph vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Do thương tích của bị hại H là 25%, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Ph theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật; không oan.

Xét vụ án mang tính chất nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo Ph là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, nên cần nghiêm trị để có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: do tức giận nhất thời nên bị cáo Ph đã có lỗi lẽ kích động, xúi giục bị cáo C đánh bị hại. Riêng bị cáo C là người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi gây thương tích cho người bị hại; đồng thời theo lời khai những người làm chứng thể hiện trong lúc đánh nhau, bị cáo Ph đã can ngăn không cho bị cáo C tiếp tục đánh bị hại H; thể hiện hành vi của bị cáo C mang tính quyết liệt, nên bị cáo C phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Ph; cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng tính chất, vai trò và mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nên đã áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo là chưa mang tính thuyết phục; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần xem xét giảm nhẹ một phần mức án đối với bị cáo Ph.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 64 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Lê Quốc C 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP, ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo; xét thấy, Lê Quốc C thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất côn đồ, nhưng cấp sơ thẩm vẫn cho hưởng án treo là chưa đúng quy định của pháp luật, chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Lê Quốc C và không mang tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo C “...trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm...” theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chưa đúng với quy định của pháp luật; vì khi khởi tố vụ án, bị cáo C đã cố ý khai báo gian dối nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên không được xét là tình tiết giảm nhẹ; cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa, Luật sư H đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Tòa án cấp cao xem xét lại mức án đối với bị cáo C theo thẩm quyền, xét thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Quốc C không kháng cáo, không bị kháng cáo và không bị kháng nghị nên cần chấp nhận lời trình bày của vị Luật sư; kiến nghị Tòa án

nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét vụ án theo thẩm quyền giám đốc thẩm.

[4] Từ những phân tích nêu trên, nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Ph; sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo nên bị cáo Ph không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Ph.

3. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

4. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Ph phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

5. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Ph 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14-01-2018.

6. Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Ph không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Kiến nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét vụ án theo thẩm quyền giám đốc thẩm.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- Phòng PV27. CATN;
- TAND. huyện G;
- VKSND. huyện G;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADSH. G;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã T, G;
- UBND xã Ph, G;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Tuấn